

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công tác dân tộc; Tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐCP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-BDTTG ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 35/TTr-SDTTG ngày 25/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công tác dân tộc; Tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các

cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai, không công khai Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình được nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo đúng quy định. Hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- UBND cấp huyện, cấp xã;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng NC (Ph, TC_{16/6});
- Lưu: VT.KL448

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG TÁC
DÂN TỘC; TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,
SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1240/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).
- **Cấp xã:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).
- **Thời gian tiếp nhận:** Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:
 - + Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
 - + Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ MỚI BAN HÀNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
*	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO						
1	1.013798	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo,	Trong thời hạn 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
*	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO						
		tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã.	làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.		11/6/2025 của Chính phủ	được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013798” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.013797	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã.	Trong thời hạn 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013797” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
3	1.013796	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã.	Trong thời hạn 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền	Không	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013796” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
*	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO						
				Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
*	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO						
1	1.012655.H12	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung	Trong thời hạn 36 ngày làm việc (cắt giảm 09/45 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012655” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.012660.H12	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam.	Trong thời hạn 36 ngày làm việc (cắt giảm 09/45 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		<i>Chính phủ</i>	hồ sơ “1.012660” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
3	1.012639.H12	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương.	Trong thời hạn 36 ngày làm việc (cắt giảm 09/45 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012639” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	1.012637.H12	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.	Trong thời hạn 36 ngày làm việc (cắt giảm 09/45 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012637” trên Cổng Dịch vụ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.			công quốc gia
5	1.012607.H12	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh.	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012607” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
6	1.012606.H12	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh.	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012606” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				tỉnh.			
7	1.012605.H12	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012605” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
8	1.012672.H12	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012672” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
9	1.012661.H12	Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập,	Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		<i>CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012661” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
10	1.012641.H12	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012641” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
11	1.012632.H12	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	Trong thời hạn 48 ngày làm việc (cắt giảm 12/60 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo			hồ sơ “1.012632” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
12	1.012629.H12	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012629” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
13	1.012628.H12	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo.	Không	<i>Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012628” trên Cổng Dịch vụ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tỉnh.		- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo			công quốc gia

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
*	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO						
1	1.012590.H12	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012590” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.012585.H12	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.	Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 03/15 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị	Không	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012585”

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hồ sơ hợp lệ.	thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.			trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
* LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC							
3	1.012222.H12	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012222” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	1.012223.H12	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC:	Không	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012223”

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.			trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Ghi chú: Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 và Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Tổng số Danh mục có 20 TTHC (trong đó: 13 TTHC cấp tỉnh, 07 TTHC cấp xã)/.

QUY TRÌNH
NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN
HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN
TỘC; TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO, ỦY BAN
NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1240/QĐ-UBND ngày 25/6/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ MỚI BAN HÀNH

I. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Nhóm 03 thủ tục:

1. Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã (Mã số TTHC: 1.013798).

2. Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã (Mã số TTHC: 1.013797).

3. Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã (Mã số TTHC: 1.013796).

a) **Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (Chuyên viên phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo) để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn (phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo) tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng chuyên môn duyệt, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 19 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày làm việc.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

*** LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

Nhóm 04 thủ tục:

1. Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (Mã số TTHC: 1.012655.H12).

2. Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam (Mã số TTHC: 1.012660.H12).

3. Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương (Mã số TTHC: 1.012639.H12).

4. Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (Mã số TTHC: 1.012637.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 36 ngày làm việc (cắt giảm 09/45 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Dân tộc và Tôn giáo: 26 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 10 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Dân tộc và Tôn giáo

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Dân tộc và Tôn giáo (Phòng Tôn giáo) để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

+ Bước 2: Chuyên viên Phòng Tôn giáo tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*) tổng hợp, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ chuyên viên Phòng Tôn giáo hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Tôn giáo duyệt, trình Lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, ký trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 25 ngày làm việc (*trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản*).

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,5 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 9,5 ngày làm việc.

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân: 0,5 ngày làm việc.

Nhóm 03 thủ tục:

5. Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh (Mã số TTHC: 1.012607.H12).

6. Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (Mã số TTHC: 1.012606.H12).

7. Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (Mã số TTHC: 1.012605.H12)

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 24 ngày làm việc (cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Dân tộc và Tôn giáo: 18 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 06 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Dân tộc và Tôn giáo

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Dân tộc và Tôn giáo (Phòng Tôn giáo) để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

+ Bước 2: Chuyên viên Phòng Tôn giáo tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*) tổng hợp, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ chuyên viên Phòng Tôn giáo hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Tôn giáo duyệt, trình Lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, ký trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 17 ngày làm việc (*trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản*).

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,5 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 5,5 ngày làm việc.

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân: 0,5 ngày làm việc.

Nhóm 03 thủ tục

8. Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã số TTHC: 1.012672.H12).

9. Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã số TTHC: 1.012661.H12).

10. Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã số TTHC: 1.012641.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Dân tộc và Tôn giáo: 50 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 10 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Dân tộc và Tôn giáo

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Dân tộc và Tôn giáo (Phòng Tôn giáo) để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

+ Bước 2: Chuyên viên Phòng Tôn giáo tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*) tổng hợp, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ chuyên viên Phòng Tôn giáo hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Tôn giáo duyệt, trình Lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, ký trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 49 ngày làm việc (*trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản*).

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,5 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 9,5 ngày làm việc.

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân: 0,5 ngày làm việc.

11. Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã số TTHC: 1.012632.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 48 ngày làm việc (cắt giảm 12/60 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Dân tộc và Tôn giáo (Phòng Tôn giáo) để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Tôn giáo tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*) tổng hợp, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ chuyên viên Phòng Tôn giáo hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Tôn giáo duyệt, trình Lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định: 47 ngày làm việc (*trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; kết quả giải quyết về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân: 0,5 ngày làm việc.

Nhóm 02 thủ tục

12. Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã số TTHC: 1.012629.H12).

13. Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã số TTHC: 1.012628.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Dân tộc và Tôn giáo (Phòng Tôn giáo) để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Tôn giáo tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*) tổng hợp, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ chuyên viên Phòng Tôn giáo hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Tôn giáo duyệt, trình Lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định: 15 ngày làm việc (*trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; kết quả giải quyết về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân: 0,5 ngày làm việc.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

*** LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

1. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (Mã số TTHC: 1.012590.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (Chuyên viên phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo) để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn (phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo) tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng chuyên môn duyệt, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 15 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày làm việc.

2. Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (Mã số TTHC: 1.012585.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 03/15 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (Chuyên viên phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo) để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn (phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo) tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyên lãnh đạo Phòng chuyên môn duyệt, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 11 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày làm việc.

*** LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC**

Nhóm 02 thủ tục:

1. Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (Mã số TTHC: 1.012222.H12).

2. Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (Mã số TTHC: 1.012223.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Ủy ban nhân dân cấp xã: 11,5 ngày làm việc.
- Tại Sở Dân tộc và Tôn giáo: 4,5 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình tại Ủy ban nhân dân cấp xã

+ Bước 1: Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, số hóa hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn (Chuyên viên phụ trách công tác dân tộc) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn (phụ trách công tác dân tộc) tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp, kiểm tra hoàn thiện hồ sơ và tham mưu văn bản xin ý kiến

của Sở Dân tộc và Tôn giáo, chuyển lãnh đạo Phòng chuyên môn duyệt, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ký văn bản, chuyển Văn thư ghi sổ, lưu hồ sơ, đính kèm kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phòng Dân tộc, Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu xử lý: 04 ngày làm việc.

+ Bước 3: Khi có kết quả thống nhất của Sở Dân tộc và Tôn giáo, Chuyên viên Phòng chuyên môn (phụ trách công tác dân tộc) hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng chuyên môn duyệt, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 07 ngày làm việc.

+ Bước 4: Văn thư ghi sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

- **Quy trình tại Sở Dân tộc và Tôn giáo:** Chuyên viên phòng Dân tộc tiếp nhận hồ sơ, tham mưu lãnh đạo phòng phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, rà soát và tham mưu trình lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo ký văn bản trả lời cho Ủy ban nhân dân cấp xã; đính kèm kết quả giải quyết lên hệ thống, chuyển hồ sơ cho Chuyên viên Phòng chuyên môn (phụ trách công tác dân tộc) của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy trình tiếp theo: 4,5 ngày làm việc.

Ghi chú: Các Quy trình thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 và Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Lưu ý: Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện hết các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định./.

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG,
TÔN GIÁO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH, SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1240/QĐ-UBND ngày 25/6/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

SIT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	1.012651.H12	Thủ tục thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
2	1.012644.H12	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
3	1.012635.H12	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
		chức	92/2017/NĐ-CP)	
4	1.012634.H12	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyền góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
5	1.012631.H12	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
6	1.012630.H12	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
7	1.012626.H12	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử,	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
		suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
8	1.012625.H12	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
9	1.012624.H12	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
10	1.012622.H12	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi,	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
		giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	định này có hiệu lực thi hành
11	1.012621.H12	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
12	1.012620.H12	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
13	1.012619.H12	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
		34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	92/2017/NĐ-CP)	
14	1.012617.H12	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
15	1.012615.H12	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
16	1.012613.H12	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
17	1.012608.H12	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi,	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
		bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	định này có hiệu lực thi hành
18	1.012604.H12	Thủ tục thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1	1.012602.H12	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết
---	--------------	--	--	--

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
		thuộc một huyện		định này có hiệu lực thi hành
2	1.012601.H12	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
3	1.012599.H12	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
4	1.012596.H12	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
5	1.012603.H12	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 điều 41 của luật tín ngưỡng, tôn giáo	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
6	1.012600.H12	Thủ tục thông báo	Nghị định số	Các thủ tục hành chính được

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
		tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành)
7	1.012598.H12	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
8	1.012593.H12	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1	1.012588.H12	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
---	--------------	--	---	--

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Văn bản của địa phương hết hiệu lực thi hành
			92/2017/NĐ-CP)	
2	1.012586.H12	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
3	1.012580.H12	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành
4	1.012579.H12	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP)	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành

Tổng số Danh mục có 30 TTHC (Trong đó: 18 TTHC cấp tỉnh, 08 TTHC cấp huyện, 04 TTHC cấp xã)/.